



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 24

34
Ô
H N
KIẾ
V
NG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên
Ông Phan Trung Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Văn Hiếu	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tác	Phó Tổng Giám

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 08 năm 2014

Số: 361 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/08/2014, từ trang 03 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần quan tâm

Chúng tôi tham chiếu đến Thuyết minh số 2 - Cơ sở lập Báo cáo tài chính và năm tài chính tại phần Thuyết minh Báo cáo tài chính có đề cập đến khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		295.127.534.444	219.587.592.680
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.657.084.117	38.496.500.592
1. Tiền	111		26.657.084.117	26.048.350.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	12.448.150.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.600.000.000	17.551.850.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	37.600.000.000	17.551.850.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120.310.773.597	81.993.386.987
1. Phải thu khách hàng	131	6	112.948.849.245	94.445.542.716
2. Trả trước cho người bán	132		24.342.336.883	2.476.312.624
3. Các khoản phải thu khác	135	7	16.273.144.750	10.486.440.804
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(33.253.557.281)	(25.414.909.157)
IV. Hàng tồn kho	140	9	88.034.614.092	68.483.045.363
1. Hàng tồn kho	141		88.356.941.796	68.805.373.067
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(322.327.704)	(322.327.704)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.525.062.638	13.062.809.738
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		354.011.764	236.102.065
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.750.947.513	5.685.363.924
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		108.976.898	81.957.841
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	16.311.126.463	7.059.385.908
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		373.640.713.952	371.090.067.472
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.000.000	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		24.000.000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		196.288.805.570	182.733.778.307
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	97.499.302.732	103.460.835.804
- Nguyên giá	222		195.590.162.240	194.385.383.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.090.859.508)	(90.924.547.891)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	19.652.346.671	19.980.267.336
- Nguyên giá	228		24.658.558.711	24.658.558.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.006.212.040)	(4.678.291.375)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	79.137.156.167	59.292.675.167
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		173.427.903.815	184.606.355.250
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	28.093.146.560	28.700.673.415
2. Góp vốn liên doanh	253	15	133.642.257.255	144.213.181.835
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	11.692.500.000	11.692.500.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.900.004.567	3.749.933.915
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	3.900.004.567	3.411.963.147
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	337.970.768
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		668.768.248.396	590.677.660.152

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		601.611.083.441	540.806.014.223
I. Nợ ngắn hạn	310		453.054.429.365	422.579.763.926
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	255.211.979.433	236.403.166.888
2. Phải trả người bán	312	19	87.818.764.671	74.525.287.368
3. Người mua trả tiền trước	313		3.826.190.016	3.915.461.713
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	71.726.330.249	54.300.718.888
5. Phải trả người lao động	315		1.521.456.784	3.328.029.281
6. Chi phí phải trả	316		8.729.939.164	6.316.416.400
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	24.109.058.236	43.573.769.328
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		110.710.812	216.914.060
II. Nợ dài hạn	330		148.556.654.076	118.226.250.297
1. Phải trả dài hạn khác	333		20.368.115.219	119.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	115.397.244.825	117.577.163.391
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	211.905.034
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		318.181.872	318.181.872
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		60.115.481.772	46.624.187.434
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	59.074.336.522	46.150.013.466
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.130.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		994.924.436	987.009.232
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		149.103.570	133.256.578
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(136.358.821.484)	(149.259.382.344)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.041.145.250	474.173.968
1. Nguồn kinh phí	432		1.041.145.250	474.173.968
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		7.041.683.183	3.247.458.495
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		668.768.248.396	590.677.660.152

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại (USD)		
Ngoại tệ các loại (EUR)	287.612,78	376.713,93
Ngoại tệ các loại (SGD)	79,70	79,70

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại (USD)		

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

Phạm Trung Nam
Kế toán trưởng

Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 08 năm 2014



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		400.629.747.782	448.238.280.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.415.000.574	885.502.914
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	396.214.747.208	447.352.777.960
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	376.842.697.967	424.661.930.238
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.372.049.241	22.690.847.722
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.529.355.476	5.181.984.661
7. Chi phí tài chính	22	28	14.650.012.546	15.516.689.664
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.337.691.194	12.788.281.685
8. Chi phí bán hàng	24		4.195.744.161	5.609.673.864
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.074.249.847	14.825.055.578
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(7.018.601.837)	(8.078.586.723)
11. Thu nhập khác	31		337.188.690	210.916.218
12. Chi phí khác	32		55.334.225	299.149.460
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		281.854.465	(88.233.242)
14. Lãi/lỗ trong Công ty liên doanh/liên kết			(2.125.087.820)	2.651.794.977
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(8.861.835.192)	(5.515.024.988)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		141.620.318	342.779.858
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	169.270.383
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(9.003.455.510)	(6.027.075.229)
<u>Trong đó:</u>				
- Lợi ích của Cổ đông thiểu số	62		(217.736.390)	(36.139.024)
- Lợi ích của Cổ đông công ty mẹ	63		(8.785.719.120)	(5.990.936.205)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(452)	(308)

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

Phan Trung Nam
Kế toán trưởng

Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 08 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	426.012.851.869	492.053.478.141
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(368.501.294.767)	(315.463.196.142)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.622.343.849)	(16.624.985.302)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(10.724.211.070)	(16.824.096.049)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(467.606.890)	(740.854.700)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	58.569.959.008	2.701.268.143
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(78.013.933.988)	(17.326.822.566)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.253.420.313	127.774.791.525
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(77.284.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.000.000.000)	(17.850.610.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	700.000.000	428.760.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.071.728	6.300.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.119.683.021	1.128.622.466
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.177.245.251)	(16.364.211.534)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	183.466.326.538	128.774.294.898
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(205.328.395.075)	(242.584.091.081)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(53.523.000)	(718.253.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.915.591.537)	(114.528.049.683)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(11.839.416.475)	(3.117.469.692)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	38.496.500.592	41.373.158.181
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(35.044)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	26.657.084.117	38.255.653.445

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

Phan Trung Nam
Kế toán trưởng

Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 08 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26/07/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam; và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04/09/2008 của Bộ Công thương về sửa đổi khoản 1, điều 1 Quyết định 2575/QĐ-BCN; Công ty hoạt động theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 41003011383 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/09/2008; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 20/08/2013 với mã số doanh nghiệp là 0300381966. Vốn Điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm từ plastic

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn; Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm kho học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất 30/06/2014, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 157,9 tỷ đồng, và Lỗ lũy kế chưa phân phối là 136 3 tỷ đồng (chiếm 36,4% Vốn đầu tư của chủ sở hữu); điều này cho thấy dấu hiệu về khả năng mất khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty; Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá vấn đề này và Công ty đang thực hiện các bước trong lộ trình tái cấu trúc Công ty, theo đó Công ty vẫn tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất này vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30/06/2014, một số khoản giao dịch nội bộ giữa các Công ty con con chưa được loại trừ hoàn toàn do Công ty chưa đối chiếu đầy đủ số liệu giao dịch giữa các Công ty con với nhau.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính
	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc và thiết bị	12
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị quản lý	03 - 07

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính: Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính hợp nhất, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Trên báo cáo tài chính hợp nhất, đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác khi các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 03 (ba) năm.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số Vốn góp thực tế của các cổ đông. Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	10.699.519.221	9.259.273.628
Tiền gửi ngân hàng	15.957.564.896	16.789.076.964
Các khoản tương đương tiền	-	12.448.150.000
Cộng	26.657.084.117	38.496.500.592

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	37.600.000.000	17.551.850.000
Cộng	37.600.000.000	17.551.850.000

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn	43.900.797.434	46.965.319.774
Công ty TNHH Công Nghiệp Hợp Phát	2.669.970.418	2.669.970.418
Công ty TNHH MTV TMDV Nhựa Vân Đồn	370.628.529	2.235.519.267
Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem	1.578.569.743	1.797.324.159
Công ty TNHH Việt Nam J.S Plastic Packaging	81.600.000	1.112.299.482
Công ty Cổ Phần Nhựa Rạng Đông	654.778	354.991.046
Các đối tượng khác	64.346.628.343	39.310.118.570
Cộng	112.948.849.245	94.445.542.716

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem	-	4.381.600.230
Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Phú	780.912.000	-
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC VINA	8.946.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	599.932.000	-
Các đối tượng khác	5.946.300.750	6.104.840.574
Cộng	16.273.144.750	10.486.440.804

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	28.957.593.211	21.196.518.355
Cty TNHH Hợp Phát	2.669.970.418	2.669.970.418
DNTN Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Hà Siêu	174.745.000	174.745.000
CTy TNHH Đầu Tư và Phát Triển Gia Khang	500.000.000	500.000.000
Cty TNHH Tân Nguyên Vũ	2.500.000	2.500.000
Nguyễn Thanh Tùng	2.800.000	2.800.000
Tổng đại lý ống	128.557.315	128.557.315
Các khách hàng khác	817.391.337	739.818.069
Cộng	33.253.557.281	25.414.909.157

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	960.159.252	6.257.463.553
Nguyên liệu, vật liệu	42.902.572.939	23.324.580.732
Công cụ, dụng cụ	118.444.836	128.761.852
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.315.839.756	6.020.120.646
Thành phẩm	17.847.617.508	16.044.229.941
Hàng hoá	16.212.307.505	17.030.216.343
Cộng	88.356.941.796	68.805.373.067
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(322.327.704)	(322.327.704)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	88.034.614.092	68.483.045.363

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	5.994.458.465	4.712.132.623
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	10.316.667.998	2.347.253.285
Cộng	16.311.126.463	7.059.385.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	56.891.507.264	126.244.205.973	9.795.119.869	1.454.550.589	194.385.383.695
Tăng trong kỳ	-	274.324.000	930.454.545	-	1.204.778.545
- Mua sắm	-	274.324.000	930.454.545	-	1.204.778.545
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	56.891.507.264	126.518.529.973	10.725.574.414	1.454.550.589	195.590.162.240
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	12.612.741.795	70.858.919.704	6.506.351.172	946.535.220	90.924.547.891
Khấu hao trong kỳ	1.327.395.908	5.160.495.057	591.294.355	87.126.297	7.166.311.617
Tại ngày 30/06/2014	13.940.137.703	76.019.414.761	7.097.645.527	1.033.661.517	98.090.859.508
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	44.278.765.469	55.385.286.269	3.288.768.697	508.015.369	103.460.835.804
Tại ngày 30/06/2014	42.951.369.561	50.499.115.212	3.627.928.887	420.889.072	97.499.302.732

Như trình bày tại Thuyết minh số 27, Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2014 là 82.576.415.180 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 106.623.014.281 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.175.608.636 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 16.547.241.649 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	24.266.228.591	392.330.120	24.658.558.711
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	24.266.228.591	392.330.120	24.658.558.711
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	4.544.815.551	133.475.824	4.678.291.375
Khấu hao trong kỳ	307.297.325	20.623.340	327.920.665
Tại ngày 30/06/2014	4.852.112.876	154.099.164	5.006.212.040
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	19.721.413.040	258.854.296	19.980.267.336
Tại ngày 30/06/2014	19.414.115.715	238.230.956	19.652.346.671

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 19.414.115.715 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số đã ký với ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án xây dựng trụ sở, văn phòng cho thuê tại 360 Giải Phóng, Hà Nội	59.114.968.850	59.114.968.850
Dự án Nhà máy tái chế	13.636.363	13.636.363
Dự án Dây truyền sản xuất tấm chống thấm	134.318.334	134.318.334
Dự án Chuỗi cách điện Silicon	22.952.520	22.952.520
Dự án khác	6.799.100	6.799.100
Cộng	59.292.675.167	59.292.675.167

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

a. Chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty liên kết

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Nhựa Văn Đồn	1.676.080	16.961.554.628	1.676.080	16.961.554.628
Công ty Cổ phần SXTM Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An	98.000	980.000.000	98.000	980.000.000
Công ty Cổ phần Youn Chon Vina	4.300.800	43.008.000.000	4.300.800	43.008.000.000
Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ		(32.856.408.068)		(32.248.881.213)
Cộng		28.093.146.560		28.700.673.415

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhựa Văn Đồn	Tp. Hồ Chí Minh	34,38%	34,38%	Sản xuất sản phẩm nhựa plastic
Công ty Cổ phần SXTM Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	49,00%	49,00%	Sản xuất sản phẩm nhựa plastic
Công ty Cổ phần Youn Chon Vina	Tp. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	Sản xuất sản phẩm nhựa plastic

15. GÓP VỐN LIÊN DOANH

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	27,5%	15.279.075.966	27,5%	15.279.075.966
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina	15,0%	89.705.850.000	15,0%	89.705.850.000
Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ		28.657.331.289		39.228.255.869
Cộng		133.642.257.255		144.213.181.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (i)	976.140	11.092.500.000	976.140	11.092.500.000
Công ty Cổ phần Bao bì Habeco	-	300.000.000	-	300.000.000
Cho vay dài hạn	-	300.000.000	-	300.000.000
Cộng		11.692.500.000		11.692.500.000

- (i) Đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú thể hiện khoản đầu tư dài hạn chứng khoán niêm yết với tỷ lệ 19,5%.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	177.701.226
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.900.004.567	3.234.261.921
Cộng	3.900.004.567	3.411.963.147

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng	210.639.315.610	192.367.346.435
Ngân hàng TM CP Á Châu-CN Bình Tây	1.583.869.616	10.810.297.000
NH Nông Nghiệp-CN Sài Gòn	55.826.013.321	52.704.836.229
NH TM CP VN Thương Tín(Vietbank)-CN Điện Biên Phủ	19.796.250.000	30.000.000.000
NH TMCP ĐT&PT-CN Sài Gòn	75.692.939.123	55.777.314.102
Ngân hàng TP Bank chi nhánh Sài Gòn	14.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	19.371.768.384	19.951.529.153
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	14.879.000.000	10.740.395.758
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.805.354.166	8.255.315.879
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	2.184.121.000	4.127.658.314
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-
Vay các cá nhân	26.550.234.977	26.013.391.607
Vay ngắn hạn cá nhân (vi)	26.550.234.977	26.013.391.607
Nợ dài hạn đến hạn trả	18.022.428.846	18.022.428.846
Cộng	255.211.979.433	236.403.166.888

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina	43.906.120.169	57.635.823.920
Cty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC VINA	2.607.000.000	635.250.000
SCG PERFORMANCE CHEMICALS CO.,LTD	1.408.570.560	700.498.800
Các đối tượng khác	39.897.073.942	15.553.714.648
Cộng	87.818.764.671	74.525.287.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	159.230.806	1.473.972.723
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(59.381.034)	521.158.415
Thuế thu nhập cá nhân	239.091.749	673.765.756
Thuế nhà đất	61.452.886.785	41.608.405.785
Các loại thuế khác	(52.414.266)	1.500.000
Phí, lệ phí và các khoản phí nộp khác	9.986.916.209	10.021.916.209
Cộng	71.726.330.249	54.300.718.888

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bộ Tài chính - tiền cổ tức phải trả	20.879.143.040	20.879.143.040
Công đoàn Công ty CP Nhựa Việt Nam	377.901.037	-
Kinh phí công đoàn	314.892.625	565.420.254
Bảo hiểm y tế	7.980.827	79.289.689
Bảo hiểm xã hội	68.175.707	399.082.937
Bảo hiểm thất nghiệp	-	32.524.788
Phải trả ngắn hạn khác	2.460.965.000	21.618.308.620
Cộng	24.109.058.236	43.573.769.328

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	115.073.106.384	117.145.787.391
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội	324.138.441	431.376.000
Cộng	115.397.244.825	117.577.163.391

- (i) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 49.010.105 CNY để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trục in dự án. Thời hạn cho vay là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài Chính thông báo. Khoản vay chịu lãi suất 3.2% /năm tính trên dư nợ cho vay. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 10 tháng 09 năm 2011 đến ngày 10 tháng 03 năm 2021 vào ngày 10/3 và ngày 10/9 hàng năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	18.022.428.846	18.238.116.846
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	72.305.403.383	72.305.403.383
Sau năm năm	43.091.841.442	45.056.072.008
	133.419.673.671	135.599.592.237
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	18.022.428.846	18.022.428.846
Số phải trả sau 12 tháng	115.397.244.825	117.577.163.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	194.289.130.000	987.009.232	133.256.578	(149.259.382.344)	46.150.013.466
Lãi (lỗ) trong kỳ	-	-	-	(9.003.455.510)	(9.003.455.510)
Phân phối lợi nhuận	-	15.536.268	31.072.535	(70.725.555)	(24.116.752)
Tăng (giảm) khác	-	(7.621.064)	(15.225.543)	21.974.741.925	21.951.895.318
Số dư tại ngày 30/06/2014	194.289.130.000	994.924.436	149.103.570	(136.358.821.484)	59.074.336.522

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014	Tỷ lệ	1/1/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	127.943.420.000	65,85	127.943.420.000	65,85
Các cổ đông khác	66.345.710.000	34,15	66.345.710.000	34,15
Cộng	194.289.130.000	100	194.289.130.000	100

c. Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.428.913	19.428.913
+ Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
+ Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000	10.000

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại là chính, không phát sinh các hoạt động theo nhiều lĩnh vực kinh doanh, theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh; Công ty sẽ xem xét lập báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh trong năm tới khi hoạt động kinh doanh đa dạng, tỷ trọng là có sự khác biệt rõ ràng hơn.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, các phst sinh tại địa bàn khác là không đáng kể, theo đó, Công ty không lập báo cáo theo khu vực địa lý. Công ty sẽ xem xét việc báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trong năm tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hoá	346.663.508.013	437.705.791.746
- Doanh thu bán thành phẩm	44.108.290.409	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.857.494.815	10.532.489.128
- Doanh thu khác	454.545	-
	400.629.747.782	448.238.280.874
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	-	661.258.274
- Giảm giá hàng bán	4.688.545	-
- Hàng bán bị trả lại	4.410.312.029	224.244.640
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	396.214.747.208	447.352.777.960

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn cung cấp hàng hoá, thành phẩm	371.730.065.817	421.985.115.982
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.043.320.296	2.676.814.256
Hao hụt, mất mát Hàng tồn kho	69.311.854	-
Cộng	376.842.697.967	424.661.930.238

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.418.110.761	1.041.845.845
Cổ tức, Lợi nhuận được chia	10.820.765.095	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.135.048.710	34.197.638
Lãi bán hàng trả chậm	-	4.105.941.178
Doanh thu hoạt động tài chính khác	155.430.910	-
Cộng	14.529.355.476	5.181.984.661

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.337.691.194	12.788.281.685
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	26.191.016
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	961.410.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	225.011.287	1.739.917.289
Chi phí tài chính khác	87.310.065	889.583
Cộng	14.650.012.546	15.516.689.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(9.003.455.510)	(6.027.075.229)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(8.785.719.120)	(5.990.936.205)
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	19.428.913	19.428.913
mẹ	(452)	(308)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động-liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	370.609.224.258	353.980.330.279
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	26.657.084.117	38.496.500.592
Nợ thuần	397.266.308.375	392.476.830.871
Vốn chủ sở hữu	194.289.130.000	194.289.130.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	204,47%	202,01%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.657.084.117	38.496.500.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	129.221.993.995	104.931.983.520
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.600.000.000	17.551.850.000
Đầu tư tài chính dài hạn	173.427.903.815	184.606.355.250
Tổng cộng	366.906.981.927	345.586.689.362
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	370.609.224.258	353.980.330.279
Phải trả người bán và phải trả khác	132.295.938.126	118.218.056.696
Chi phí phải trả	8.729.939.164	6.316.416.400
Tổng cộng	511.635.101.548	478.514.803.375

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.657.084.117	-	26.657.084.117
Phải thu khách hàng và phải thu khác	129.221.993.995	-	129.221.993.995
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.600.000.000	-	37.600.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	173.427.903.815	173.427.903.815
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Tổng cộng	193.479.078.112	173.427.903.815	366.906.981.927
Tại 30/06/2014			
Các khoản nợ thuê tài chính	-	-	-
Các khoản vay	255.211.979.433	115.397.244.825	370.609.224.258
Phải trả người bán và phải trả khác	111.927.822.907	20.368.115.219	132.295.938.126
Chi phí phải trả	8.729.939.164	-	8.729.939.164
Tổng cộng	375.869.741.504	135.765.360.044	511.635.101.548
Chênh lệch thanh khoản thuần	(182.390.663.392)	37.662.543.771	(144.728.119.621)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.496.500.592	-	38.496.500.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.931.983.520	-	104.931.983.520
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.551.850.000	-	17.551.850.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	184.606.355.250	184.606.355.250
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Tổng cộng	160.980.334.112	184.606.355.250	345.586.689.362
Tại 01/01/2014			
Các khoản nợ thuế tài chính	-	-	-
Các khoản vay	236.403.166.888	117.577.163.391	353.980.330.279
Phải trả người bán và phải trả khác	118.099.056.696	119.000.000	118.218.056.696
Chi phí phải trả	6.316.416.400	-	6.316.416.400
Tổng cộng	360.818.639.984	117.696.163.391	478.514.803.375
Chênh lệch thanh khoản thuần	(199.838.305.872)	66.910.191.859	(132.928.114.013)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao; tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 của Công ty.

32. THÔNG TIN KHÁC

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Công ty đã điều chỉnh các sai sót kế toán của các năm tài chính từ 2012 trở về trước theo nguyên tắc phi hồi tố trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2014 mà không áp dụng theo nguyên tắc điều chỉnh hồ tổ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc thì việc không áp dụng theo VAS 29 chỉ ảnh hưởng mang tính chất so sánh của báo cáo tài chính mà không làm ảnh hưởng đến số liệu lũy kế của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2014.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác.

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

Phan Trung Nam
Kế toán trưởng

Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 08 năm 2014

